TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 16/2022/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2022
"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và ông Đỗ Hồng Phúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX - ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa, các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khu 12, thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Nguyệt Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 12 năm 2021, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Mạnh H có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y vào ngày 17 tháng 3 năm 2005. Trước khi kết hôn, cả hai anh chị đều được tự do tìm hiểu và chưa ai kết hôn lần nào. Sau ngày cưới, chị về làm dâu và sống chung với gia đình anh H ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng bình thường. Đến đầu năm 2011, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do, anh chị không có con chung dẫn

đến cả hai đều thiếu sự quan tâm chia sẽ lẫn nhau. Do vợ chồng sống không hạnh phúc nên anh H đã bỏ đi làm ăn xa, anh H đi làm ăn xa được một thời gian thì chị cũng bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị và anh H không ai còn quan tâm gì đến cuốc sống của nhau. Thời gian đầu mới sống ly thân, nếu có việc gì chị vẫn liên lạc với anh H để trao đổi. Cách đây vài năm, chị và anh H không còn liên lạc gì với nhau nữa. Chị biết thông tin, hiện nay anh H đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng gia đình có công việc gì thì cũng về còn địa chỉ cụ thể của anh H đang làm ăn ở đâu thì chị không biết cho nên chị không thể cung cấp được cho Tòa án. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H.

Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh H. Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Kim Thị B là mẹ đẻ của anh H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2022, bà Ba mẹ anh H trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống và nguyên nhân vợ chồng chị H anh H xảy ra mâu thuẫn, bà B xác định như lời trình bày trên của chị H là đúng. Sau khi vợ chồng anh H xảy ra mâu thuẫn, anh H bỏ đi làm ăn xa được một thời gian thì chị H cũng bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T sống. Vợ chồng chị H và anh H, sống ly thân nhau từ cuối năm 2010 đến nay. Trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến nay, mặc dù anh H đi làm ăn xa nhưng khi gia đình bà có công việc gì thì anh H vẫn về, bản thân anh H thỉnh thoảng cũng về thăm bố mẹ. Gia đình bà vẫn liên lạc thường xuyên với anh H qua điện thoại nên khi gia đình nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi về cho anh H thì bà và chồng bà đều thông báo tất cả nội dung trong thông báo của Tòa án cho anh H qua điện thoại ngay. Do anh H đang đi làm xa, dịch bệnh anh H không về Tòa án Y để giải quyết việc ly hôn của mình. Anh H có nói lại cho bà biết nguyên nhân vợ chồng anh H xảy ra mâu thuẫn là vì anh H và chị H không có con chung, chị H xin ly hôn anh H đồng ý, anh H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh H.

Về con chung: Chị H và bà B đều xác định, vợ chồng anh H chị H không có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H xác định, vợ chồng chị không có gì nên ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Bà B cũng xác định, vợ chồng anh H chị H không có gì nếu có thì sau này anh H về, anh H sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lan H và cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, anh H vắng mặt chưa có quan điểm gì nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lan H là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù anh H vắng mặt Tòa án không lấy được lời khai nhưng mẹ anh H là bà Kim Thị B và chị H đều thừa nhận, anh H và chị H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17 tháng 3 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y. Kết quả xác minh tại xã N, hiện tại anh H không có mặt ở địa phương nhưng hộ khẩu thường trú của anh H vẫn ở xã N, huyện Y. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Mạnh H là bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt nhưng anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, phiên tòa hôm nay là phiên tòa thứ hai anh H vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Mạnh H theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Chị H xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Căn cứ vào lời trình bày của chị H và bà B trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án tại xã N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y nên cần xác định cuộc hôn nhân của chị H và anh H là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, chị H và anh H có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có con chung nhưng cả hai người thiếu sự động viên sẻ chia thông cảm lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dạn nứt. Khi tình cảm đã dạn nứt thì cả anh H và chị H đều không ai tìm biện pháp để hàn gắn lại mà chọn cách sống ly thân buông xuôi một thời gian quá dài. Từ năm 2011 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh H đã dạn nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xác định, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị H được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị H và anh H chưa có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh H vắng mặt chưa có quan điểm trình bày nên sau khi ly hôn nếu anh H có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì vậy, quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát ở trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Lan H được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001142 ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Nguyệt Đức;
- Lưu HS, VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Hạnh